

Bản án số: 164/2026/DS-PT
Ngày: 23/6/2026
V/v “Tranh chấp về chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thường

Bà Cao Thị Thanh Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật” do bản án dân sự sơ thẩm số: 352/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P (đã chết).

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của bà P:

1. Ông Nguyễn K, sinh năm 1960; Cư trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Cư trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn M - Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Cư trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Ông Võ Văn M - Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1938; Cư trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là Khu phố B, phường H, tỉnh Gia Lai).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn K, sinh năm 1960; Cư trú tại: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai (Văn bản uỷ quyền ngày 13/01/2025). Có mặt.

3. Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1954; Trú tại: B, xã C, huyện L, tỉnh Gia Lai (nay là Boong L, xã P, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị P1, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn B, xã P, tỉnh Gia Lai). Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

5. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1974 (đã chết)

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của ông T3: Cháu Võ Hồng T4, sinh năm 2011;

Người đại diện hợp pháp của cháu T4: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1978. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Cùng trú tại: 6 B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và đại diện hợp pháp của cháu Võ Hồng T4 là bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và nội dung trình bày của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Nguyễn K:*

Ông Nguyễn N1 (là cậu ông) chết năm 2004 có để lại một ngôi nhà trên thửa đất số 904, tờ bản đồ số 09 tại khu phố T, phường H và các tài sản có trên đất. Ông N1 chết không có vợ con. Gia đình cậu có 05 anh chị em, một người chết trước cậu N1, chưa có chồng con, hiện tại còn sống là bà Nguyễn Thị T1.

Năm 2006, dì ông là bà Nguyễn Thị N2 khi còn sống đã khai man lý lịch cho rằng ông Nguyễn N1 chỉ có bà Nguyễn Thị N2 là người chị duy nhất để một mình hưởng di sản do ông N1 để lại. Sau đó, bà N2 đã lập hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho con trai mình là ông Võ Văn T.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia lại số tài sản trên theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản bằng hiện vật. Nay nguyên đơn bà P đã chết, ông là người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu của mẹ ông, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản do cậu N1 để lại. Phần của mẹ ông được chia, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà là con của bà Nguyễn Thị P, là cháu gọi ông Nguyễn N1 là cậu ruột. Cậu bà có 04 người chị em là bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 2013), mẹ bà là Nguyễn Thị P (chết năm 2019), bà Nguyễn Thị C (liệt sĩ chết năm 1969, chưa có

chồng con) và bà Nguyễn Thị T1. Năm 2005 cậu bà chết, không có vợ con. Cậu bà có để lại tài sản là nhà đất tại khu phố T, phường H và tài sản có trên đất.

Bà được nhận thừa kế từ mẹ bà là Nguyễn Thị P. Bà đồng ý chia tài sản thừa kế của cậu Nguyễn Nhanh . Yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Về tài sản là di sản của ông N1, ông đồng ý phân chia. Từ khi cậu Nhanh mất đến nay, ông trực tiếp ở trên đất, thờ cúng cậu N1 và ông bà nên nay ông không muốn phân chia nhỏ đất và tài sản trên theo như yêu cầu của nguyên đơn, ông xin nhận toàn bộ tài sản bằng hiện vật là đất, nhà và sổ dựa có trên đất. Ông có trách nhiệm thối tiền lại cho các thừa kế khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Đất và nhà đang tranh chấp hiện vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng. Trước đây các cậu, di trong gia đình đã thỏa thuận thống nhất giao cho vợ chồng bà ở và chăm lo thờ cúng, khi thỏa thuận có giấy tờ nhưng giờ thất lạc không còn nữa. Vợ chồng bà đã xây dựng sửa chữa nhà để ở, trên đất có tài sản của vợ chồng bà. Vì vậy, bà thống nhất ý kiến của chồng bà là ông T, yêu cầu để đất và tài sản cho vợ chồng bà sử dụng, vợ chồng bà thối lại bằng tiền cho các thừa kế khác.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H thống nhất giao toàn bộ công sức đóng góp của mình cho chồng là ông Võ Văn T trong khối di sản mà ông Nguyễn N1 để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần của bà, bà cũng yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Vì tuổi cao nên bà yêu cầu được xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị P1 trình bày:

Bà là con của bà Nguyễn Thị N2, là cháu gọi ông Nguyễn N1 là cậu ruột. Năm 2012, mẹ bà chết. Cậu của bà có ba người chị em là mẹ bà, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị T1. Năm 2005, cậu của bà chết, cậu của bà không có vợ con. Cậu bà chết có để lại tài sản là nhà, đất tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cùng một số tài sản trên đất. Bà được nhận thừa kế từ mẹ bà là Nguyễn Thị N2, đối với kỹ phần của bà được chia, bà từ chối nhận và giao lại cho dì là bà Nguyễn Thị T1.

Bà yêu cầu được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T2 trình bày:

Ông là con của bà Nguyễn Thị N2, là cháu gọi ông Nguyễn N1 là cậu ruột. Năm 2012, mẹ ông chết. Cậu ông có ba người chị em là mẹ ông, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị T1. Năm 2005, cậu ông chết, cậu ông không có vợ con. Cậu ông chết có để lại tài sản là nhà đất tại T, H, H, Bình Định cùng một số tài sản

trên đất. Ông được nhận thừa kế từ mẹ bà Nguyễn Thị N2, đối với kỷ phần của mình, ông từ chối nhận và giao lại cho bà Nguyễn Thị T1.

Ông T2 yêu cầu được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

- Bà Bùi Thị N là người giám hộ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Võ Hồng T4 trình bày:

Bà là người đại diện hợp pháp của cháu Võ Hồng T4, sinh ngày 04/9/2011. Cháu T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “*Tranh chấp về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật*”. Bà và ông Võ Văn T3 (sinh năm 1977, chết năm 2019) chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông T3 có một người con chung duy nhất là cháu Võ Hồng T4, sinh ngày 04/9/2011. Nay ông T3 đã chết, cháu T4 là người thừa kế duy nhất của ông Võ Văn T3. Đối với kỷ phần mà cháu T4 được nhận từ ông T3, cháu xin nhận và yêu cầu được nhận bằng đất.

Vì điều kiện ở xa, bà yêu cầu vắng mặt tại các buổi làm việc, các buổi xét xử của tòa. Bà xin chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 352/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là TAND khu vực 6 - Gia Lai) đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015,

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Nhânh .

Giao cho ông Võ Văn T quyền sử dụng thửa đất số 904, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 1997) phường H, theo V là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 phường H có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa đất số 527, 1028 dài: 23,34m; 2,86m; 20,79m.
- Tây giáp: thửa 523, 524 dài: 20,50m; 2,77m; 30,61m.
- Nam giáp: đường bê tông dài: 19,27m.
- Bắc giáp: thửa 1020 dài: 4.8m, 13,61m.

Diện tích: 1.049m² (trong đó có 200m² đất ở, 849m² đất trồng cây lâu năm)

cùng toàn bộ tài sản có trên đất. (có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Buộc ông Võ Văn T phải thôi cho bà Nguyễn Thị P (chết, người thừa kế quyền của bà Nguyễn Thị P là ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị Đ) số tiền: 249.594.000 đồng.

Buộc ông Võ Văn T phải thôi cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền: 374.391.000 đồng.

Buộc ông Võ Văn T phải thôi cho cháu Võ Hồng T4 số tiền: 62.398.500 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính riêng công sức đóng góp của bà mà giao hết cho chồng là ông Võ Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/10/2024, bà Bùi Thị N là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Hồng T4 kháng cáo yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý nhận tiền.

Ngày 18/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm để định giá lại tài sản và chia di sản thừa kế lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21/10/2024, ông Nguyễn K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P làm đơn kháng cáo quá hạn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm định giá tài sản và chia thừa kế bằng hiện vật theo pháp luật. Kháng cáo của ông K được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn ra quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1 thay đổi một phần kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản theo hiện vật cho các đồng thừa kế.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/10/2024, ông Nguyễn K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P làm đơn kháng cáo quá hạn. Tại quyết định

số 21/2024/QĐ-PT ngày 07/11/2024 của Hội đồng xét kháng cáo quá hạn đã quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Khải .1 Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết đối với kháng cáo của ông K.

Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Hồng T4 là bà Bùi Thị N trong thời hạn nên được xem xét.

Ông Võ Văn T; bà Nguyễn Thị H; luật sư Võ Văn M là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, bà H và bà Nguyễn Thị Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 904, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 1997) phường H (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 (bản đồ VN 2000) được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 1.040 m² đất (trong đó có 200m² đất ở) cấp cho hộ ông Nguyễn Nhanh . Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất thì hộ ông Nguyễn N1 chỉ có 01 nhân khẩu nông nghiệp là ông Nguyễn Nhanh . Ông N1 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông N1 được chia thừa kế theo pháp luật. Ông N1 không có vợ, con, cha mẹ ông N1 chết trước ông N1, nên cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của ông Nguyễn N1 cho hàng thừa kế thứ hai của ông N1 là các anh chị em của anh N1 còn sống tại thời điểm ông Nguyễn N1 chết gồm: bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng thẩm định tại chỗ tiến hành đo đạc, xác định thửa đất số 904, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 1997) phường H (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 (bản đồ VN 2000) diện tích đất theo giấy chứng nhận QSD đất là 1.040 m² đất (trong đó có 200m² đất ở), diện tích đo đạc thực tế là 1.049m², tăng 09m² nguyên nhân là do sai số do đo đạc và Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành chia thừa kế phần diện tích đất trên cho hàng thừa kế thứ hai của ông N1 sau khi trừ đi phần công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo tài sản của bị đơn ông T là có căn cứ.

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và đại diện cháu Võ Hồng T4 kháng cáo yêu cầu đo đạc lại diện tích thửa đất số 904, tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 1997) phường H (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 (bản đồ VN 2000) để chia di sản thừa kế theo hiện vật. Theo kết quả đo đạc ngày 14/5/2025, thì phần đất yêu cầu chia thừa kế có diện tích đo đạc thực tế là 1.078,9m². Kết quả lồng ghép sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thực tế với bản đồ VN B, thì phát hiện trong số 1.049m² đất Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế có 42,2 m² thuộc thửa đất số 523 cấp cho ông Huỳnh Hữu T5 và 3,8m² đất thuộc thửa đất số 524 cấp cho bà Lê Thị H1, còn lại một phần diện tích

đất 253,5m² thuộc thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 (bản đồ VN 2000) nằm ở phía đông của thửa đất chưa được cấp sơ thẩm chia thừa kế. Nguyên nhân là do khi đo đạc tại cấp sơ thẩm, các đương sự chỉ không đúng với ranh giới thửa đất ông N1 được cấp. Căn cứ theo bản đồ VN 2000 thì thửa đất số 526, tờ bản đồ số 6 (bản đồ VN 2000) ông Nguyễn N1 được cấp có diện tích thực tế theo bản đồ là 1.243,5m². Chênh lệch tăng 203,7m² so với diện tích đất cấp cho ông Nguyễn N3 theo giấy chứng nhận QSD đất. Các đương sự không xác định được nguyên nhân vì sao theo bản đồ VN B thì đất cấp cho ông N1 tăng 203,7m².

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án đo đạc lại thửa đất tranh chấp, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định hiện trạng thực tế ranh giới thửa đất được cấp cho ông N1. Người đại diện hợp pháp của bà T1 yêu cầu Hội đồng xét xử chia thừa kế diện tích đất thực tế cấp cho ông N1 theo bản đồ VN 2000 là 1.243,5m². Tuy nhiên, phần diện tích đất này được xác định theo bản đồ, không phải là diện tích đất thực tế ông N1 được cấp và hiện tại ông T, bà H đang quản lý sử dụng. Do đó việc chia hiện vật cho các đồng thừa kế theo bản đồ sẽ không đảm bảo đúng diện tích đất thực tế và sẽ gây khó khăn trong công tác thi hành án sau này. Từ những thiếu sót nêu trên nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T1 và người đại diện của cháu T4, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung. Việc Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án là do đương sự chỉ không đúng ranh giới thửa đất khi đo đạc và cơ quan đo đạc, vẽ bản đồ không lồng ghép sơ đồ bản vẽ diện tích đất thực tế với sơ đồ thửa đất theo bản đồ VN 2000, dẫn đến việc Thẩm phán không xác định được trong tổng số diện tích đất chia thừa kế có một phần thuộc diện tích đất cấp cho người khác và không xác định được diện tích đất thực tế hộ ông N1 được cấp, đây là lỗi của đương sự và cơ quan đo đạc.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Do bản án bị hủy nên các khoản chi phí trên sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 và của người đại diện cháu Võ Hồng T4 được chấp nhận nên bà T1 và cháu T4 không phải chịu tiền án phí.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và bà Bùi Thị N là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Hồng T4.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 352 ngày 20/9/2024 của TAND thị xã Hoài Nhơn (nay là TAND khu vực 6 - Gia Lai), chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1, cháu Võ Hồng T4 không phải chịu án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Duy